

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 9 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên

Bà Đinh Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn, và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L1., sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ.X, xã V.X, huyện K.Đ, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Phòng 2A, tòa nhà 7 Kodatsuno, 3-2-5 Kodatsuno, thành phố Kanazawa, tỉnh Ishikawa, Nhật Bản; Số hộ chiếu C0532886, cấp ngày 31/7/2015 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh; “*vắng mặt*”

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C1., sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn T.B, xã T.Q, huyện V.L, tỉnh Hưng Yên (Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 01 năm 2022); “*vắng mặt*”

- *Bị đơn:* Anh Vũ Hồng V1., sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ.X, xã V.X, huyện K.Đ, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Kukkasandal R039Gil 190, Guji-myeon, Dalseong-kun, Daegu-si, Hàn Quốc; Số hộ chiếu: N2185896, cấp ngày 15/02/2020, nơi cấp: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc; “*vắng mặt*”

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Đ1., sinh năm 1961; Địa chỉ: thôn Đ.X, xã V.X, huyện K.Đ, tỉnh Hưng Yên (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 11 năm 2021); “vắng mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Vũ Trường A1., sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013; “vắng mặt”

2. Cháu Vũ Trường Gi., sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013; “vắng mặt”

Đều địa chỉ: thôn T.B, xã T.Q, huyện V.L, tỉnh Hưng Yên;

Người giám hộ: Ông Nguyễn Văn C1., sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn T.B, xã T.Q, huyện V.L, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”

- Người làm chứng:

1. Bà Đào Thị Đ1., sinh năm 1961; Địa chỉ: thôn Đ.X, xã V.X, huyện K.Đ, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”

2. Bà Đào Thị Đ1., sinh năm 1961; Địa chỉ: thôn Đ.X, xã V.X, huyện K.Đ, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07 tháng 01 năm 2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị L1. trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Hồng V1. ngày 20 tháng 3 năm 2013 và chung sống với nhau được 10 ngày thì anh V1. tiếp tục sang Hàn Quốc làm việc. Chị sống cùng gia đình anh V1. được một năm thì về nhà bố mẹ để sống từ ngày 11 tháng 12 năm 2014, nguyên nhân là do không hòa hợp được với gia đình anh V1. trong khi vợ chồng không cùng chung sống, chưa thực sự hiểu nhau để chia sẻ dẫn đến vợ chồng thường to tiếng xúc phạm đến hai bên gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 và đã nhiều lần trao đổi hòa giải nhưng không thống nhất được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Trường A1., sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013 và Vũ Trường Gi., sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013 đều sống cùng chị tại từ khi chị về nhà bố mẹ để sống không được sự quan tâm chăm lo từ anh V1. và gia đình anh. Chị đã một mình nuôi cả hai con và các cháu đều được bố, mẹ chị chăm sóc đầy đủ nên nếu ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con để các con được cùng chung sống đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh V1. đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị L1. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Hồng V1. công nhận đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và trình bày anh và chị L1. quen biết và tìm hiểu qua mạng vì anh làm việc tại Hàn

Quốc. Anh chị kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V.X ngày 20 tháng 3 năm 2013 và chung sống được khoảng 10 ngày thì anh sang Hàn Quốc làm việc theo hợp đồng. Chị L1. chung sống cùng gia đình anh đến khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, anh đã trao đổi nhưng chị L1. đã cùng con về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 12 năm 2014 mặc dù gia đình anh đã nhiều lần gặp trao đổi. Do vợ chồng chung sống được ít ngày và thời gian xa cách đã lâu nên anh chị đều xác định không còn tình cảm do đó không thể chung sống được với nhau vì vậy anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Anh và chị Nguyễn Thị L1. có hai con chung là Vũ Trường A1. và Vũ Trường Gi. đều sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013, hai cháu đang sống cùng bố mẹ đẻ chị L1. từ khi chị L1. đi làm việc tại Nhật Bản năm 2016. Vợ chồng đã thống nhất khi ly hôn anh sẽ nuôi cháu Vũ Trường A1. và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh và chị L1. không có tài sản, nghĩa vụ chung nên không đã thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Trường A1. sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013 và Vũ Trường Gi., sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013 đều đề nghị được tiếp tục sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn vì anh V1. chưa lần nào gọi điện cho hai cháu.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn C1., là bố chị L1. trình bày: Chị Nguyễn Thị L1. và anh Vũ Hồng V1. kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.X ngày 20 tháng 3 năm 2013. Vợ chồng chung sống được khoảng một tháng thì anh V1. quay lại Hàn Quốc làm việc, chị L1. chung sống cùng gia đình anh V1. đến cuối năm 2014 về nhà ông sống và sinh con. Từ năm 2015 anh V1. không liên lạc, thăm hỏi gì các con còn chị L1. năm 2016 đã đi làm việc tại Nhật Bản nên con chung của anh chị là Vũ Trường A1. và Vũ Trường Gi. đang sống cùng gia đình ông. Anh chị đều đã tự quyết định về hôn nhân của vợ chồng, nếu vợ chồng ly hôn ông sẽ tiếp tục nuôi cả hai cháu theo nguyện vọng của chị L1..

Bà Đào Thị Đ1., mẹ anh Vũ Hồng V1. trình bày anh V1. và chị Nguyễn Thị L1. đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.X ngày 20 tháng 3 năm 2013 và chung sống được khoảng một tháng nên anh chị tự quyết định có chung sống được với nhau hay không. Nếu anh chị ly hôn bà đề nghị được nuôi cháu Vũ Trường A1. theo như nguyện vọng của anh V1..

Ủy ban nhân dân xã Đ.X cung cấp: Chị Nguyễn Thị L1. và anh Vũ Hồng V1. đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.X, huyện K.Đ, tỉnh Hưng Yên ngày 20 tháng 3 năm 2013, mâu thuẫn giữa hai anh chị địa phương không nắm được

Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp: Trường hợp Nguyễn Thị L1., sinh ngày 17/10/1986, có thông tin xuất cảnh ngày 13/03/2016 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C0532886, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Trường hợp Vũ Hồng V1., sinh ngày 10/01/1986, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh

ngày 10/02/2014 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B4134403, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH, xử cho chị L1. được ly hôn anh V1.; Giao chị L1. tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Vũ Trường A1. và Vũ Trường Gi., đều sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013, tài sản và các vấn đề khác không giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo công văn số 9916/QLXNC-P5 ngày 16 tháng 05 năm 2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an đã có căn cứ xác định nguyên đơn chị Nguyễn Thị L1. và bị đơn anh Vũ Hồng V1. đang sinh sống tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 35, và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị L1. và anh Vũ Hồng V1. kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.X, huyện K.Đ ngày 20 tháng 3 năm 2013 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Lời khai của chị L1., anh V1. phù hợp với cung cấp của hai bên gia đình và của Ủy ban nhân dân xã Đ.X đã có căn cứ xác định vợ chồng chỉ chung sống được với nhau ít ngày đã sống mỗi người một nơi từ năm 2013, không còn quan tâm chăm lo đến nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó chị L1. và anh V1. đều đề nghị được ly hôn là phù hợp với thực tế hôn nhân của vợ chồng nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu về con chung của chị Nguyễn Thị L1. và anh Vũ Hồng V1. khi ly hôn, thấy trong đơn ly hôn chị L1. đã đề nghị được nuôi cả hai con nên không có căn cứ xác định anh chị đã thống nhất về con chung khi ly hôn như trình bày của anh V1.. Thực

tế anh chị đều không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con trong khi con chung của anh chị đã sống ổn định cùng bố mẹ chị L1. và đều có nguyện vọng được sống cùng chị L1. khi bố mẹ ly hôn nên để tránh ảnh hưởng đến các cháu sẽ giao chị L1. tiếp tục chăm sóc cháu A1. và cháu Gi.; Chị L1. không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để xem xét.

[5] Chị Nguyễn Thị L1. và anh Vũ Hồng V1. không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác nên không đặt ra để xem xét.

[6] Chị Nguyễn Thị L1. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L1.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L1. ly hôn anh Vũ Hồng V1..

2. Con chung: Giao chị Nguyễn Thị L1. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên là Vũ Trường A1. sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013 và Vũ Trường Gi., sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013. Anh Vũ Hồng V1. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh V1. thực hiện quyền này; nếu anh V1. lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L1. có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của anh V1..

Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L1. chưa yêu cầu anh Vũ Hồng V1. cấp dưỡng nuôi con chung; trên cơ sở lợi ích của con, chị L1. có quyền yêu cầu anh V1. cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Chị Nguyễn Thị L1., anh Vũ Hồng V1. hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L1. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000062 ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; Chị L1. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L1. và anh Vũ Hồng Vương được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ.X;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quang Tú